TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/DS-ST
Ngày: 07-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Rum;

2. Ông Nguyễn Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Vinh Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Đông G, sinh năm 1975; cư trú tại: khu phố L, phường A, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Văn Phước L, sinh năm 1988; cư trú tại: ấp C, xã T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2026); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1966; có mặt.

Ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1966; có mặt.

Cùng cư trú tại: tổ G, ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Võ Đông G và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Văn Phước L trình bày:

Vào năm 2020 ông G có cho ông M, bà N vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Khi vay không làm giấy nợ, mục đích ông M, bà N để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Lãi suất thoả thuận 2%/tháng. Đến ngày 17/12/2023 ông G và ông M, bà N có làm giấy hẹn nợ, nội dung: "*Tôi tên Nguyễn Thu N, sinh năm 1966; hiện ngụ tổ G, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tôi có nợ em Võ Đông G số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng từ năm 2020 hẹn đến 25/12 Quý Mão trả lại*". Bên dưới giấy hẹn nợ có ký tên và ghi họ tên của bà N và ông M. Đến thời hạn trả ông G đến đòi tiền ông M, bà N nhưng ông bà tiếp tục hẹn. Đến ngày 09/02/2024 ông G tiếp tục đến nhà gặp ông M, bà N đòi tiền nhưng ông M, bà N hẹn ông ngày 10/3/2024 sẽ trả và viết giấy hẹn cho ông. Từ đó đến nay đã hết thời hạn thanh toán nhưng ông M, bà N không thực hiện việc trả nợ cho ông bao gồm cả gốc và lãi theo quy định.

Việc ông M, bà N trình bày ông có đến nhà ông M, bà N lấy bàn ghế là không đúng sự thật. Ông không lấy bàn ghế, đồ đạc của ông M, bà N.

Nay ông G yêu cầu ông M, bà N trả cho ông G số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 17/12/2023 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thu N và ông Huỳnh Quang M trình bày:

Do người khác nhờ ông M đi vay tiền nên vào khoảng thời gian năm 2022 ông M có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông G để cho người khác vay. Khi vay chỉ nói mượn tạm. Sau nhiều lần ông G xuống nhà ông bà đòi nợ thì ông bà có làm cho ông G 01 giấy hẹn nợ ngày 17/12/2023. Bà N là người viết giấy hẹn nợ, nội dung: "*Tôi tên Nguyễn Thu N, sinh năm 1966; hiện ngụ tổ G, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tôi có nợ em Võ Đông G số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng từ năm 2020 hẹn đến 25/12 Quý Mão trả lại*". Bên dưới giấy hẹn nợ có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thu N và Huỳnh Quang M là chữ ký và họ tên do ông bà ký và viết. Đến ngày 09/02/2024 ông bà có hẹn lại ông G đến ngày 10/3/2024 ông bà sẽ trả cho ông G số tiền 200.000.000 đồng. Đến năm 2025 (không nhớ ngày tháng) ông G có đến nhà ông bà lấy 01 bàn chữ U trị giá khoảng 125.000.000 đồng, 01 bàn tròn và chân bàn trị giá 40.000.000 đồng; 02 lục bình (01 cái cao 1m6, 01 cái cao 1m7) trị giá khoảng 40.000.000 đồng. Ông bà đồng ý cho ông G lấy bàn ghế nhằm mục đích cấn trừ số nợ 200.000.000 đồng. Khi lấy bàn ghế, lục bình trong nhà ông bà thì giữa ông bà và ông G không thoả thuận 01 bàn chữ U, 01 bàn tròn và chân bàn; 01 cặp lục bình có giá là bao nhiêu. Đồng thời, hai bên cũng không ghi giấy tờ gì về việc ông G lấy bàn ghế của ông bà. Ông bà nghĩ đã cấn trừ và trả nợ xong số tiền 200.000.000 đồng. Đối với giấy nợ 200.000.000 đồng ông G vẫn

giữ, chưa trả lại cho ông bà. Việc ông G lấy các tài sản của ông bà để trừ nợ được ông bà đồng ý nhưng ông bà không làm đơn khởi kiện đối với ông G.

Nay ông G yêu cầu ông bà trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 17/12/2023 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện, ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông G.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Võ Đông G vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông G – ông Văn Phước L trình bày: Ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông M, bà N trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 17/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2026 (02 năm 06 tháng).

Bị đơn bà Nguyễn Thu N, ông Huỳnh Quang M trình bày: Ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông G. Sự việc ông G lấy bàn ghế của ông bà ông bà không có chứng cứ chứng minh và cũng không yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ, ông bà chỉ trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đông G đối với ông Huỳnh Quang M và bà Nguyễn Thu N về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Huỳnh Quang M và bà Nguyễn Thu N có trách nhiệm trả cho ông Võ Đông G số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 17/12/2023.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thu N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Đông G khởi kiện bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1966 và ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1966, địa chỉ: tổ G, ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Võ Đông G cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 01 (một) giấy hẹn nợ ngày 17/12/2023, nội dung giấy hẹn nợ: "*Tôi tên Nguyễn Thu N, sinh năm 1966; hiện ngụ tổ G, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tôi có nợ em Võ Đông G số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng từ năm 2020 hẹn đến 25/12 Quý Mão trả lại*". Bà N, ông M thừa nhận có vay của ông G số tiền 200.000.000 đồng, có làm giấy nợ ngày 17/12/2023, nội dung giấy nợ do bà N viết. Giấy nợ do ông M, bà N ký tên và ghi họ tên. Lời trình bày của ông G, ông M, bà N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do ông G cung cấp, giao nộp cho Tòa án. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật.

Bà N, ông M trình bày ông G lấy bàn ghế nhằm mục đích cấn trừ số nợ 200.000.000 đồng, được ông bà đồng ý nhưng ông bà không làm đơn khởi kiện đối với ông G. Nguyên đơn không thừa nhận có lấy bàn ghế của bị đơn. Bị đơn bà N và ông M không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bà đã cấn trừ số tiền nợ 200.000.000 đồng của ông G nên cần tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N, ông M trả cho ông G số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng.

[2.2] Về tiền lãi: ông G yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 17/12/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 07/7/2026), xét thấy giấy hẹn nợ nguyên đơn cung cấp thể hiện có thoả thuận trả lãi nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 17/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2026 (02 năm 06 tháng 20 ngày, ông G yêu cầu tính lãi 02 năm 06 tháng):

Số tiền 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 năm 06 tháng = 49.800.000 đồng.

Hội đồng xét xử buộc bà N, ông M trả cho ông G tiền gốc 200.000.000 đồng + tiền lãi 49.800.000 đồng = 249.800.000 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thu N và ông Huỳnh Quang M trả cho ông Võ Đông G tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 49.800.000 đồng, tổng cộng 249.800.000 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông Huỳnh Quang M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thu N phải chịu 6.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đông G đối với bà Nguyễn Thu N và ông Huỳnh Quang M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thu N và ông Huỳnh Quang M có nghĩa vụ trả cho ông Võ Đông G số tiền nợ vay gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 17/12/2023 đến ngày 07/7/2026 là 49.800.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 249.800.000 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Quang M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thu N phải chịu 6.245.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Đông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng ông G đã nộp theo biên lai thu số 0006047 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương